

MÁY VẤN ĐỀ VỀ VÙNG ĐẤT TRUNG TRUNG BỘ VIỆT NAM THỜI TIỀN ĐẠI CÒ VIỆT

TS. Lê Sơn¹

ĐỀ TỪ

“Một thước núi, một thước sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người dám đem một thước đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc thì tội phải tru di”

(Đại Việt Sử ký toàn thư, Lời vua Lê Thánh Tông dặn Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy trước khi đi sứ nhà Minh)

Lâu nay, công luận chỉ nói nhiều về việc người Việt đánh đuổi chiếm đất của người Chăm mà không biết rằng trước đó người Chăm thừa thế người Việt tay không vũ khí, đã cướp phá, đánh đuổi người Việt không thương tiếc suốt gần một nghìn năm. Người Chăm đã lấn chiếm nước ta từ núi Thạch Bi đến Hoành Sơn. Đến đầu thế kỷ thứ III thì người Chăm đã chiếm hết miền Trung Trung Bộ.

“Người Chăm không ngừng tiến lên phía bắc. Năm 248, quân Chăm đánh các thành thị ở Cửu Chân, cướp bóc, phá tan tành mọi thứ, họ đánh tan đội thủy quân của thực dân Trung quốc ở đó. Tôn Quyền phái Lục Dận làm Thứ sử Giao Chỉ. Để ngăn chặn người Chăm tiến quân, Lục Dận phải điều đình với họ. Họ rút lui nhưng vẫn đóng giữ Khu Túc (tức Huế).”

¹ Quỹ Giải thưởng Trần Văn Giàu.

(Georges Maspéro, *Vương quốc Chăm*)

Thời kỳ vương quốc Chăm xâm lược nước ta rất là khốc liệt. Khốc liệt hơn khi ta tiến đánh giành lại.

I. MIỀN TRUNG TRUNG BỘ VIỆT NAM THỜI TIỀN ĐẠI CỒ VIỆT

1. Giao Châu và biên giới phía Nam nước ta thời *Tiền Đại Cồ Việt*

Chúng tôi gọi nước Việt Nam thời Bắc thuộc là thời “*Tiền Đại Cồ Việt*”, để phân biệt với nước Nam Việt¹ to lớn thời nhà Triệu cũng bị Bắc thuộc. Thời kỳ từ năm 111 trước công nguyên đến năm 938 CN (thế kỷ X), tức là khi nước ta bị mất vào tay nhà Hán đến khi Ngô vương Quyền giành lại nền độc lập lâu dài. Trong hơn một nghìn năm ấy có nhiều thời kỳ ta giành được độc lập ngắn như thời Hai Bà Trưng, thời Khu Liên, thời Lý Nam đế, ...

Hơn một nghìn năm thời *Tiền Đại Cồ Việt*, trên dải đất hình chữ S có 4 vùng:

- Tại Nam Bộ thuộc vương quốc *Phù Nam*, rồi sau đó bị *đế quốc Khmer* thôn tính.
- Tại Bắc bộ và Bắc Trung Bộ là *Giao Châu*² rồi sau đổi thành *An Nam đô hộ phủ* đang bị *đế quốc Trung Hoa* thống trị.
- Tại Nam Trung Bộ hình thành *vương quốc Champa*.

¹ Nước Nam Việt thời nhà Triệu lớn khoảng gấp ba lần nước Đại Cồ Việt, mà hai phần ba không liên quan đến nước Đại Cồ Việt sau này. Coi như mất đứt.

² *Giao Châu*: thời Hán chỉ nước Nam Việt thời nhà Triệu. Đến thời Tam Quốc, Đông Ngô chia *Giao Châu* – Nam Việt thành *Quảng Châu* và *Giao Châu*. Thì *Giao Châu* chỉ còn bốn quận: *Hợp Phố*, *Giao Chỉ*, *Cửu Chân*, *Nhật Nam*.

- Riêng vùng đất Trung Trung Bộ thì còn nhiều tranh cãi.

Miền Trung Trung Bộ, chúng tôi đề cập ở đây là miền đất từ *núi Bạch Mã đến núi Thạch Bi*. Từ thế kỷ III CN đến thời Lê Thánh Tông (1471), thì miền Trung Trung Bộ bị vương quốc Chăm chiếm. Thời nhà Hồ đã lấy lại miền Quảng Nam, Quảng Ngãi nhưng khi nhà Hồ mất thì quân Chăm đánh chiếm lại.

Những tư liệu về vùng này rất ít nên mới có chuyện tranh cãi cho đến tận ngày nay.

Không tranh cãi sao được khi từ thế kỷ thứ III CN, miền Trung Trung Bộ đã không còn bị đế quốc Hán trực tiếp thống trị nên không còn được họ quan tâm ghi chép và viết cụ thể về miền đất ấy. Một vùng đất quá nhỏ, quá xa đối với họ, thời gian độc lập thì ngắn, thôi thì gom chung vào một giỏ *vương quốc Chăm*.

Nên nhớ rằng họ viết về Hai Bà Trưng chỉ đề quảng bá Mã Viện, anh hùng *da ngựa bọc thây* của họ. Trong *Mã Viện liệt truyện* (bản Lê Sơn dịch), Hậu Hán thư viết về nhân vật Mã Viện đến từng chi tiết, còn Hai Bà Trưng thì không thể không nhắc trong các trận đánh của Mã Viện, chỉ là cái bóng mờ.

Đó là đặc điểm lối viết sử của các sử gia thực dân Đại Hán mà sau này các sử gia thực dân Đại Pháp cũng lặp lại y chang. Chính triết gia người Pháp nổi tiếng hiện đại Michel Foucault thì nói quyết rằng:

“Tất cả kiến thức đều được nội dung lịch sử của chúng đặt thành vấn đề. Hơn nữa, các biểu tượng và các ý tưởng phê phán phục vụ các mục đích của người có địa vị hùng mạnh nắm quyền thống trị và điều khiển thế giới, từ đó kiểm soát và thống trị trí tuệ xã hội của nhân dân.”

(R. Ron McGee, Richard L. Warm, *Anth. Theory*, p. 612)

Nhưng rất tiếc là nhiều sử gia cựu trào của ta quá tôn sùng Hán học, cũng như nhiều sử gia của ta ngày nay quá tôn sùng Tây học, cho rằng sử Tàu, sử Tây viết gì cũng rất “khoa học”. Thật quá lắm! Họ viết vì dân tộc họ, chẳng thể đòi hỏi cao hơn.

oOo

Nhưng miền đất ấy đối với nước ta thì không nhỏ, đã có những tư liệu của các sử gia nước ta hé lộ ra là trước khi bị vương quốc Chăm thôn tính thì miền đất Trung Trung Bộ thuộc về ta.

Bộ sử đầu tiên của nước ta là cuốn *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu. Lê Văn Hưu (1230-1322) là nhà sử học triều Trần viết cuốn sách sử này cách thời điểm ta giành độc lập gần 400 năm sau.

Vì gần một ngàn bốn trăm năm của một thời kỳ dài lâu nước ta không có sử, nên đến khi viết về thời kỳ *Tiền Đại Cổ Việt* thì tránh sao khỏi sơ sót, đứt quãng, bất nhất.

Đến giữa thế kỷ XV, nước ta mới có bộ cổ sử hoàn chỉnh, bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Đại Việt sử ký toàn thư viết về thời ấy:

“Sau khi đánh tan quân nhà Triệu, Lộ Bác Đức chia nước Nam Việt của nhà Triệu ra làm 9 quận là Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Tượng Quận, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đam Nhĩ”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập I, tr.153)

“Phạm vi 9 quận này bao gồm Quảng Đông, Quảng Tây, đảo Hải Nam nay thuộc Trung Quốc và 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam tức đất An Nam”

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập I, tr.138, chú thích 3)

Năm 226, sau khi Sĩ Nhiếp chết, Đông Ngô đã chia nước Nam Việt cũ ra làm 2 châu: Quảng Châu gồm các quận Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô (trị sở tại Phiên Ngung, nay là thành phố Quảng Châu) và Giao Châu gồm các quận Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, (trị sở tại Long Biên).

Cần chú ý là Giao châu thời Tam quốc trở về sau có bốn quận, ba quận nằm trong phạm vi ranh giới nước ta, còn quận Hợp Phố nay thuộc tỉnh Quảng Tây Trung Quốc.

Có thể nhớ lại là Hai Bà Trưng đánh đuổi Tô Định ra khỏi Giao Châu, tức là thu hồi độc lập bốn quận ấy, nên ngày nay có đền thờ Hai Bà ở Quảng Tây.

Ba quận thuộc nước ta thì như thế nào? Sử gia Đào Duy Anh dựa vào các sách cổ viết:

“Giao Chỉ phủ kín đất Bắc Bộ ngày nay, trừ vùng thượng lưu sông Đà và thượng lưu sông Mã, đồng thời ăn sang cả vùng tây nam Quảng Tây ngày nay (Hợp Phố). Riêng góc tây nam tỉnh Ninh Bình là địa đầu của quận Cửu Chân (nay thuộc Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh). Sau này nhà Hán đặt thêm quận Nhật Nam ở phía nam quận Cửu Chân (khoảng từ đèo Ngang vào đến Bình Định).

(Đào Duy Anh, Đất nước Việt Nam qua các đời, Nxb Văn hóa Thông tin, 2005)

Theo Hán thư:

“Quận Nhật Nam¹ thành lập năm Nguyên Đinh thứ 6 (111 TCN) thời Hán Vũ Đế, bao gồm 15.400 hộ, 69.485 khẩu, chưa bằng nửa quận Cửu Chân (35.743 hộ, 166.013 khẩu) và chỉ bằng một phần sáu quận Giao Chỉ (92.440 hộ, 746.237 khẩu).

Toàn quận Nhật Nam chia làm năm huyện: Tây Quyển, Tỷ Cảnh, Chu Ngô, Lô Dung và Tượng Lâm. Huyện Tượng Lâm được thành lập sau khi Mã Viện đánh xuống phía nam”.

(Hán thư, bản chữ Hán, quyển 28 hạ, Địa lý chí, đê bát hạ)

Theo sử gia Đào Duy Anh thì huyện Tượng Lâm nay gồm TP. Đà Nẵng và ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

Nhưng theo Bùi Tá Hán thì huyện Tượng Lâm còn gồm tỉnh Phú Yên nữa. Bùi Tá Hán dẫn tướng sĩ:

¹ Hán thư, quyển 28 hạ, Địa lý chí, đê bát hạ:

“Phàm thời vận của mỗi quốc gia có lúc thịnh lúc suy, dân khí cũng có lúc mạnh lúc yếu. Nước ta từ thuở An Dương vương, phía Bắc lệ thuộc vào Tàu, phía Nam bị Chiêm Thành (Champa) quấy nhiễu. Một dải sơn hà từ sông Gianh (Quảng Bình) đến Đại Lãnh (nam đèo Cả thuộc tỉnh Khánh Hòa), nguyên là đất của họ Việt Thường, bị người Chiêm Thành dần dà lấn chiếm mất. Mãi tới thời Lý - Trần ta mới thu hồi được tới Thuận Hóa, và đến thời Lê Thánh Tông ta mới thu lại được đất Quảng Nam (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên). Hết thời tàn tạ ắt đến lúc hưng thịnh, vật của ai sẽ được trả về cho chủ cũ. Nhưng người Chiêm không thấy lẽ đương nhiên đó, nên ôm lòng phẫn uất. Vậy ta có thể tác động vào tâm lý họ, để họ theo ta tự đáy lòng, khiến họ tự hiểu và thôi không phẫn uất nữa. ...”

(Phủ tập Quảng Nam ký sự, bản chữ Hán cổ)

Cuốn sử kinh điển về thời cổ sử nước ta là “Đại Việt Sử ký toàn thư” viết:

“Tháng 3 năm Tân Mão 1471, niên hiệu Hồng Đức thứ 2, vua hạ thành Đồ Bàn, bắt được Chiêm vương Trà Toàn” ... Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng của hắn là Bồ Trì Trì (Po Kabrah) chạy vào Phiên Lung (Phan Rang), chiếm cứ đất ấy, xưng là chúa Chiêm Thành, sai sứ sang xin xưng thần, nộp cống, được phong làm vua. Vua lại phong vương cho cả Hoa Anh và Nam Bàn gồm 3 nước để dễ ràng buộc ...”

(Đại Việt Sử ký toàn thư, tập II, tr. 450)

Sử gia Lê Quý Đôn trong sách “*Phủ Biên tạp lục*” của cũng viết Bồ Trì Trì chỉ chiếm cứ được một phần năm đất đai Chiêm Thành bấy giờ, cho người dâng lễ cống vua ta, vua phong cho làm Chiêm vương. Nhưng Lê Quý Đôn còn viết thêm:

“Vua còn phong vương cho cả Hoa Anh vương, Nam Bàn vương là dòng dõi vua cũ nước Chiêm còn sót lại.”

Sử gia Pháp, Georges Maspéro cũng viết như vậy:

“Bồ Trì Trì tập hợp tàn quân trốn ở Panduranga, ông ta tự xưng làm vua ở đó và sai sứ đem lời thề trung thành cùng với cống phẩm đến Thánh Tông, được Thánh Tông chấp nhận. Quả núi ở giữa địa giới hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa hiện nay và chạy dài ra bể tạo thành mũi Varella¹, từ nay là ranh giới giữa An Nam và Chiêm Thành, một cái mốc bằng đá được đặt ở đó”

(Georges Maspéro, *Vương quốc Chăm*, tr. 404)

Như vậy đất Chiêm còn lại đã bị chia làm ba nước. Bồ Trì Trì được phong vương ở Phan Rang (gồm cả Ninh Thuận, Bình Thuận, có lẽ cả Khánh Hòa), còn Hoa Anh và Nam Bàn phải thuộc địa bàn và Phú Yên và Phú Yên thượng đạo (Tây nguyên). Theo tài liệu của sử gia Pháp Bernard Bourotte (bản Lê Sơn dịch) thì miền Tây nguyên có nhiều thời kỳ bị vương quốc Chăm xâm lược chiếm đóng.

Quân Việt sau khi chiếm được thành Đồ Bàn, vua Lê Thánh Tông tiếp tục cử tướng truy đuổi. Khi quân Champa qua khỏi núi Thạch Bi thì quân Việt dừng lại, xem như *chiến dịch quân sự* vạch ra đã được hoàn thành.

Sử viết rằng tháng 8 năm Canh Dần 1470, Chiêm Vương Trà Toàn đem 10 vạn quân thủy bộ xâm lấn Hóa Châu (Huế), Như vậy là hai xứ Chiêm Động và Cổ Lũy (Quảng Nam, Quảng Ngãi) trước đây nhà Hồ đã giành lại được, rồi khi quân Minh xâm lược nước ta thì đã bị quân Chiêm chiếm lại.

Luôn luôn lặp đi lặp lại tình hình khi ta bị xâm lược, bản đối phó mặt bắc thì ở mặt nam quân Chiêm thừa thế lấn chiếm liền. Chỉ cần suy đoán thôi thì thời Tiền Đại Cổ Việt tình hình cũng đã diễn ra như vậy.

Vua Lê Thánh Tông ban sách “*Bình Chiêm*”. Chiến trường bình Chiêm của vua Lê Thánh Tông là từ núi Bạch Mã đến núi Đồng Trụ. Khi chiếm lại được núi Đồng Trụ, vua Lê Thánh Tông cho khắc chữ xác định ranh giới lên đá và cho đổi tên núi ấy từ núi *Đồng Trụ* thành núi *Thạch Bi*

¹ Mũi Varella tức mũi Đại Lãnh.

(núi Đá Bia) để xóa đi cái nhục Mã Viện và mở ra một trang sử mới cho đất nước.

Vua Lê Thánh Tông là một vị thánh quân, quân sự thì cứng mà chính trị thì mềm.

“Lấy người Chiêm đầu hàng là Ba Thái làm chức Đồng Tri châu (chức Phó) Thái Chiêm, lấy Đa Thủy (người Chiêm) là Thiêm Tri châu (cũng chức Phó)”

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, tr. 451)

Ngay ở Quảng Nam, Quảng Ngãi mà nhà nước Đại Việt bố trí hai chức Phó là người Chiêm cốt là để an dân thì việc giao cho dòng dõi vua Chiêm tự cai trị nước Nam Bàn và Hoa Anh vùng Phú Yên và Phú Yên thượng đạo cũng có thể hiểu được.

Bấy giờ, người Chăm tuy bị thua trong một cuộc chiến nhưng lực lượng vẫn còn rất mạnh. Ngay trong năm 1471 ấy, ngày 21-8:

“Bọn Nguyễn Đức Trinh, Phạm Mục tâu việc người Chăm quấy biên giới”

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, tr. 456)

“Ngày mùng 8 (tháng 11-1471), lại đi đánh quân Chăm, bắt được chúa nó là Trà Toại và bè lũ đem về kinh”

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, tr. 458)

Tình hình không thể yên nếu chỉ dùng biện pháp quân sự. Vua Lê Thánh Tông đã tổ chức bộ máy cai trị bước đầu rất là thực tế. Bộ máy hành chính nước Đại Việt chỉ từ Quảng Nam đến Bình Định và cho người Chiêm làm quan ở hàng chóp bu. Còn vùng đệm Phú Yên thì lập con cháu dòng dõi vua Chăm cai trị. Chính sách khôn khéo này thực sự đã ổn định biên giới phía Nam nước Đại Việt trong một thời kỳ dài.

Quả thật, mãi trên 140 năm sau, đến niên hiệu Hồng Định thứ 12 (Lê Kính Tôn - năm 1611), mới thấy xảy ra việc người Chiêm lần bờ cõi, Nguyễn Hoàng sai Chủ sự là Văn Phong đi đánh lấy được đất ấy, chia làm

2 huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa, đặt làm phủ Phú Yên, lấy Văn Phong làm Lưu thủ.

Vì thế, Đại Việt Sử ký toàn thư nói vua Lê Thánh Tông cho lập Phủ Hoài Nhơn, lãnh thổ phía Nam cuối cùng của nước ta, biên giới chỉ đến núi Cù Mông. Thừa tuyên Quảng Nam thời Bùi Tá Hán cũng là miền đất này, tức gồm TP. Đà Nẵng và ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay.

Vua Lê Thánh Tông từng nói một câu nổi tiếng khi dặn Kiến Dương bá Lê Cảnh Huy đi sứ nhà Minh:

“Một thước núi, một thước sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người dám đem một thước đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc thì tội phải tru di”

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, tr. 460)

Đối với người Việt Nam thì đây là câu châm ngôn xuất sắc mọi thời đại.

Theo sách Du Địa Chí của Lê Quang Định:

“Tương truyền Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành, mở cõi đến Đại Lãnh, lên trên đỉnh núi đục đá khắc bia làm địa giới nước ta với nước Chiêm, cho nên gọi núi đó là núi Thạch Bi, nay nét chữ mòn đi, không thể biết được”¹.

Vua Lê Thánh Tông là người phục hồi hoàn chỉnh ranh giới phía Nam nước Văn Lang của các vua Hùng. Nhà vua cho khắc bia để ghi dấu sự kiện vĩ đại ấy và khẳng định rằng: *“Chiêm Thành sang quá chỗ này thì nước mất, quân thua. An Nam sang quá chỗ này thì quân bị tan, tướng bị giết”*.

¹ Tương truyền văn bia viết: Chiêm Thành quá thử, binh bại quốc vong. An Nam quá thử, tướng tru binh chiết (Chiêm Thành sang quá chỗ này thì nước mất, quân thua. An Nam sang quá chỗ này thì quân bị tan, tướng bị giết).

Tướng không có vị vua chiến thắng nào minh bạch như vua Lê Thánh Tông. Về chính trị thì Lê Thánh Tông đã tổ chức ra vùng đệm Phú Yên cho con cháu dòng dõi vua Chăm tự trị đã ổn định miền đất này suốt hàng trăm năm. Tính cách Nhân, Trí, Dũng của bậc đại anh hùng này được Trần Quốc công Bùi Tá Hán sau này kế thừa, người mà sử Pháp tán tụng là:

“Không biết bằng cách nào mà chính sách của ngài giữ được sự ổn định bền vững cho xứ Quảng Nam đến hàng trăm năm sau khi ngài mất”.

(Bernard Bourottes, *Người Thượng cao nguyên Nam Đông Dương*)

Xứ Quảng Nam thời Bùi Tá Hán là miền Trung Trung Bộ, miền đất ta mới mới giành lại được mà người Chăm phần uất cho là đất của mình bị người Việt lấn chiếm, còn dọc theo rừng núi phía tây thì người Thượng luôn bị tình trạng đói kém, làm không đủ ăn thường tụ họp đi cướp bóc các làng xóm miền duyên hải giàu có hơn.

2. Nước Chăm hình thành và không ngừng bành trướng

Nghiên cứu về miền Trung Trung Bộ, nhất định phải tìm hiểu lịch sử vương quốc Chăm.

Nước Chăm được sử Tàu cho biết hình thành từ năm 192, tức sau thời Mã Viện gần hai thế kỷ và bị tiêu vong vào năm 1693, là năm tướng Nguyễn Hữu Cảnh đánh bắt được vua Chăm là Bà Tranh đưa về Huế, chúa Nguyễn cho đổi nước ấy làm trấn Thuận Thành. Từ đó, các vua Chăm chỉ là một viên quan của triều Huế, Thuận Thành được hưởng quyền tự trị cho đến năm 1832, thời vua Minh Mệnh.

Vương quốc Chăm gồm tất cả có 16 vương triều. ban đầu được hình thành ở miền Nam Trung Bộ

“Ở phía Nam, vào năm 192 CN, nhà nước Champa được hình thành trong vùng các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận ngày nay, lệ thuộc vương quốc Phù Nam... Theo Coedès, thì người Chăm tiến hành cuộc tấn công này (miền Trung Trung Bộ) vào năm 193, có thể là người

Chàm Hindou hóa. Vào năm 248, họ chiếm miền đất thuộc xứ Hué ngày nay”¹.

(Bernard Bourotte, *Người Thượng cao nguyên Nam Đông Dương*,
bản tiếng Pháp, page 10)

Nhưng không phải đợi đến năm 192 CN mới xuất hiện dân tộc Chàm. Ngay từ giữa thế kỷ I CN thời Mã Viện đánh chiếm nước ta lập ra huyện Tượng Lâm thì sách Nam sử đã cho biết:

“Bên kia biên giới phía nam nước Lâm Ấp, theo đường bộ đường thủy hơn hai trăm dặm có vương quốc của người man di Tây Đò. Mã Viện trồng hai trụ đồng để định ranh giới của nhà Hán”.

Như tất cả mọi dân tộc trên thế giới, trong một vùng miền, ban đầu có một thủ lĩnh kiệt xuất nhất nổi trội lên trong số nhiều thủ lĩnh khác đứng lên thu tóm lập thành một nhà nước chung. Từ khi được tập hợp thành một nhà nước chung thì sức mạnh tăng bội dẫn đến khuynh hướng gầy hần với lân bang để tỏ rõ sức mạnh mới.

Bi ký cũng chứng minh nơi hình thành vương quốc Chàm. Bi ký xưa nhất của nước Chàm được tìm thấy tại Võ Cạnh, phía tây thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa có niên đại thế kỷ II - III CN. Bia viết rằng một vua Chàm là con hay cháu của vua thủy tổ Cri Mara lập bia. Do đó có thể xác định kinh đô thời lập quốc của nhà nước Chàm, vào thế kỷ II, phải ở vùng đất Nam Trung bộ

Từ địa bàn ban đầu là Nam Trung Bộ, người Chàm đã từng bành trướng về phía nam và phía tây, nhưng ở Nam Bộ và Tây nguyên họ đụng phải đế quốc Phù Nam rồi đế quốc Khmer dữ dằn quá nên không lâu sau là bị tiêu diệt hoặc bị đẩy lùi. Thế là họ dồn sức mở rộng về phía bắc, nơi người Việt đang bị đế quốc Hán thống trị. Người Việt bấy giờ bị tước hết

¹ Au Sud, en 192, le Chams s'étaient établis dans le Khanh-hoa, le Ninh Thuan et le Binh-thuan actuels, aux dépens du Founan... D'après M. Coedès, les Cham qui menèrent cette offensive en 193, étaient vraisemblablement Hindouisés. En 248, ils conquérèrent la region de Hué.

quyền tự vệ, còn quân đội thống trị trú đóng nơi vùng sâu vùng xa thì yếu kém. Miền cực Nam của *An Nam đô hộ phủ* quá xa kinh đô Lạc Dương không hề là nơi đáng quan tâm của các triều đại phong kiến Trung Hoa vốn thường xuyên bị các dân tộc du mục phía bắc cũng như nạn tranh giành quyền lực nội bộ đe dọa. Trong hơn một nghìn năm, người Việt không có quân đội của riêng mình, người Chăm đã thừa thế từ phía nam núi Thạch Bi tiến đến gần nửa miền Bắc Trung Bộ. Thế rồi khi nước Đại Việt độc lập, người Việt đã từng bước đẩy lùi họ về tận miền cực Nam Trung Bộ cho đến khi họ bị tiêu vong hoàn toàn.

Lâu nay, công luận chỉ nói nhiều về việc người Việt đánh đuổi chiếm đất của người Chăm mà không biết rằng trước đó người Chăm thừa thế người Việt tay không vũ khí, đã cướp phá, đánh đuổi người Việt không thương tiếc suốt gần một nghìn năm. Người Chăm lần chiếm nước ta từ núi Thạch Bi đến Hoành Sơn. Đến đầu thế kỷ thứ III CN thì người Chăm đã chiếm hết miền Trung Trung Bộ.

Georges Maspéro cho biết:

“Người Chăm không ngừng tiến lên phía bắc. Năm 248, quân Chăm đánh các thành thị ở Cửu Chân, cướp bóc, phá tan tành mọi thứ, họ đánh tan đội thủy quân của thực dân Trung quốc ở đó. Tôn Quyền phái Lục Dận làm Thứ sử Giao Chỉ. Để ngăn chặn người Chăm tiến quân, Lục Dận phải điều đình với họ. Họ rút lui nhưng vẫn đóng giữ Khu Túc (tức Huế).”

(Georges Maspéro, *Vương quốc Chăm*, các tr. 90, 91)

Thời kỳ vương quốc Chăm xâm lược nước ta rất là khốc liệt. Khốc liệt hơn khi ta tiến đánh giành lại. Người Chăm đã tiến hành xâm lược nước ta là một sự thật lịch sử, nhưng lại không được sử ta nhắc tới vì đó là thời *Tiền Đại Cồ Việt*.

Có phải vì là cuộc xâm lược của người Chăm thì quá nhỏ bị lu mờ trước sự xâm lược của người Trung Hoa? Hay sử sách Trung Hoa không ghi việc ấy thì sử ta không có tư liệu để mà viết?

Sau hơn một ngàn năm bị đô hộ, rồi bốn trăm năm sau nước ta mới có sử, trên 50 thế hệ đời người, khó mà khôi phục được đầy đủ toàn bộ những gì của tổ tiên ta.

Ta có thể đặt câu hỏi, các nhà viết sử cự trào của ta khi viết về thời kỳ ấy thì dựa vào đâu? Nhất định phần lớn là dựa vào sử biên niên của Tàu. *Sử biên niên* chỉ tập trung xung quanh triều đình, *chép những việc chính xảy ra xung quanh vua và hoàng tộc, của các đại thần theo thứ tự ngày, tháng, năm*. Triều đình các triều đại Trung Hoa thời ấy nằm ở miền Hà Nam, bờ nam sông Hoàng Hà thì huyện Tượng Lâm là một vùng xa, rất xa đối với triều đình các triều đại Trung Hoa thời bấy giờ. Người viết sử lại làm một chức quan ở ngay trong triều, chép việc các vùng xa thông qua báo cáo của các viên *Công tào* gửi về. Các viên này làm đủ việc về hành chính không chuyên về sử. Do đó những biến động ở vùng xa khó được thông tin liên tục và đầy đủ, độ chính xác lại không cao.

Chính sử gia Pháp, Maspéro cũng viết là:

“*Những tin tức họ cung cấp thì hết sức mơ hồ và lầm lẫn*”

(Georges Maspéro, *Vương quốc Chăm*, tr. 85)

Sử nước ta chỉ viết về nước Chăm thời cực thịnh và lúc bại vong, tức là thời kỳ *Đại Cổ Việt* trở về sau mà không hề đề cập đến nước Chăm thời *Tiền Đại Cổ Việt*.

Có người thấy người Chăm lập kinh đô Trà Kiệu ở Quảng Nam, kinh đô Đồ Bàn ở Bình Định trong vùng đất ấy mà nay vẫn còn đó các di tích như Mỹ Sơn, thành Đồ Bàn và mạng lưới tháp Chăm nằm rải rác đây đó trong vùng Trung Trung Bộ nên lầm tưởng miền ấy thuộc vương quốc Chăm.

Nhưng phải biết rằng các di tích ấy chỉ xuất hiện từ thế kỷ thứ IV CN đến thế kỷ thứ IX CN, thời cực thịnh của vương quốc Chăm, tức là thời bành trướng của vương quốc Chăm.

Người Chăm luôn lấn lên phía Bắc nên từ vùng Kauthara (Khánh Hòa), rồi theo đà bành trướng, họ có thể dời đô ra Bình Định rồi Quảng

Nam, sau cùng trở lại Phan Rang. Cũng giống như thế, mà theo chiều ngược lại, người Việt đã từng dời đô từ Phong Châu đến Cổ Loa, vô Hoa Lư, lại ra Thăng Long, rồi lại vào Huế.

Vương quốc Champa có nhiều lần dời đô và chắc chắn trong 1502 năm tồn tại, vương quốc Champa cũng đã nhiều lần thay đổi biên giới, đặc biệt là biên giới với nước ta,

Thời hưng thịnh nhất của nước Champa, kinh đô đặt tại Indrapura (Quảng Nam) và miền đất biên giới phía bắc của nước ấy là châu Địa Lý trong số ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính mà vua Champa là Chế Củ phải cắt cho nhà Lý.

“Ba châu ấy nay thuộc tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị”

(Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, tr. 108)

Thời cực thịnh ấy nước Chăm to rộng nhất, trải từ cực nam Trung Bộ đến tỉnh Quảng Bình.

Hai xác định về biên giới khi lập quốc và khi cực thịnh nêu trên, làm lộ dần ra vùng đất Trung Trung Bộ là vùng đất mà vương quốc Chăm chiếm được trong giai đoạn bành trướng. Đó là thời kỳ nước ta nằm dưới ách thống trị của đế quốc Trung Hoa. Vương quốc Chăm nhờ vào vị trí nằm ngoài mưu đồ bành trướng của thực dân phương Bắc ở tận Lạc Dương ngày nay, nên họ đã phát triển dần lên phía Bắc. Đến khoảng thế kỷ thứ V, thì họ dời kinh đô đến Indrapura (Quảng Nam) và biên giới phía bắc của họ đẩy lên tới châu Địa Lý (Quảng Bình).

Thế rồi, khi nước ta giành được độc lập, khi yên mặt bắc thì ta tiến tới việc giành lại phần lãnh thổ bị mất ở phía nam. Quân vua Lê Đại Hành đánh chiếm kinh đô Indrapura (Quảng Nam).

«Sau khi Lê Đại Hành chiếm kinh đô Chăm, giết chết vua Chăm. Người nói ngôi là Indravarman IV đã vội vã bỏ kinh đô mà chạy trốn về mạn cực nam, có lẽ là Phan Rang. Trong khi Indravarman IV lẩn trốn ở miền Nam Champa thì Lưu Kế Tông, một người Việt trốn sang Champa từ lâu đã tự xưng là vua Chăm, cho chém con tin là người con nuôi của Lê

Hoàn và tuyên chiến với Đại Cồ Việt. Khi Indravarman IV chết, Luru Kế Tông được người Chăm tôn lên chính thức làm vua Champa. Người Chăm bị phân biệt đối xử, từng bộ phận lớn đã bỏ nước đi ra nước ngoài để được yên ổn hơn. Khi Luru Kế Tông chết, người Champa tôn một người Chăm lên làm vua, đó là Harrivarman II. Nước Champa lại bị lâm vào nội chiến làm cho suy yếu đi nhiều. Harivarman II mặc dù lên ngôi ở Vijaya (Bình Định) đã cố gắng cho đặt lại triều đình ở Indrapura (Quảng Nam) là kinh đô chính thức, nhưng ông đã thất bại vì nó bị tàn phá khủng khiếp. Người nối ngôi ông đã bỏ hoàn toàn kinh đô Indrapura vào năm 1.000, triều đình vương quốc Chăm lui về phía nam, lấy Vijaya (Đồ Bàn-Bình Định) làm kinh đô.

(Georges Maspéro *Vương quốc Chăm*, các tr. từ 205-209)

3. Huyện Tượng Lâm và nước Lâm Ấp. Vua Quang Chiêu và vua Khu Liên

Qua các bi ký Chăm đã được phát hiện hàng trăm năm qua cho phép chúng ta định dạng sơ bộ các giai đoạn phát triển của vương quốc Chăm thời Tiền Đại Cồ Việt. Từ cơ sở ấy, liên kết với những hé lộ trong tài liệu cổ sử của Trung Quốc, của Việt Nam, kể cả các tác giả người Pháp cùng với việc tìm hiểu cốt lõi của những chuyện dân gian còn lưu truyền tại vùng đất Trung Trung Bộ để phác thảo diện mạo vùng đất Trung Trung Bộ thời *Tiền Đại Cồ Việt*.

Mấu chốt của vấn đề nằm ở chỗ nước Việt Thường Thị, huyện Tượng Lâm nằm ở đâu? Khu Liên là người Việt hay là người Chăm? Lâm Ấp là nước như thế nào?

Các sử gia cựu trào nước ta đề cập đến quận Nhật Nam rất sơ sài.

Cổ sử Trung Hoa xem Lâm Ấp là tiền Chăm vì Lâm Ấp chỉ tồn tại một thời gian ngắn, rồi bị đế quốc Chăm xâm lược, Việc đánh đồng ấy không hề ảnh hưởng đến nước họ, nên họ đã không đi sâu phân tích cho ra lẽ.

Chính sử gia Pháp, Maspéro viết:

“Người Trung Quốc chỉ thỉnh thoảng mới có liên lạc với những dân tộc ở ngoài biên giới huyện Tượng Lâm, cho nên những tin tức họ cung cấp cho chúng ta thì hết sức mơ hồ và lầm lẫn”

(Georges Maspéro, *Vương quốc Chăm*, tr. 85)

Phần cổ sử, các sử gia cựu học nước ta chỉ chép lại theo sách của Trung Hoa. Cổ sử Trung Hoa viết như thế nào thì theo đó mà tán rộng và bổ sung, hoàn toàn không đặt thành vấn đề phản biện như ngày nay ta thường làm.

Nam sử viết:

“Toàn quận Nhật Nam chia làm năm huyện: Tây Quyển, Tỷ Cảnh, Chu Ngô, Lô Dung và Tượng Lâm. Huyện Tượng Lâm được thành lập sau khi Mã Viện đánh xuống phía nam”.

Như vậy huyện Tượng Lâm được thành lập từ thời Mã Viện, giữa thế kỷ I CN, gần 150 năm trước khi nước Chăm hình thành. Miền đất này lại liên qua đến nước Việt Thường Thị và nước Lâm Ấp.

Sách Đại Việt Sử ký toàn thư viết:

“Từ thời Thành vương nhà Chu (1063-1025 trước CN) mới gọi là Việt Thường Thị, tên Việt bắt đầu từ đó”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, tr. 131)

Đại Việt sử ký toàn thư còn chú thích:

“Việt Thường Thị; tên nước thời cổ ở phía Nam Trung Quốc có quan hệ với nhà Chu (hiến chim trĩ cho Chu Thành vương), lần đầu tiên được ghi trong sách ‘Thượng Thư đại truyện’. Theo các sách Văn Hiến thông khảo, Minh sử, Minh nhất thống chí viết là Việt Thường Thị ở vị trí nước Lâm Ấp sau này.”

(Đại Việt sử ký toàn thư, tr. 131, chú thích 5)

Nên nhớ là người Nam đảo tiền thân của người Chăm không bao giờ tự cho mình là Việt.

Sách Thủy Kinh Chú của Lịch Đạo Nguyên viết:

“Lâm Ấp là huyện Tượng Lâm, sau bỏ chữ Tượng để chỉ còn chữ Lâm”

Theo Nguyễn Bá Trác, Lâm Ấp không phải là Chiêm Thành, người Lâm Ấp không phải là người Chăm, mà người Chăm đã chiếm đất của người Lâm Ấp:

“Thành thử, Lâm Ấp (gồm cả Quảng Ngãi) cận thuộc Việt Thường. Nhưng về thời đại ấy, đất nhiều, người ít, đường sá chưa mở mang, đi lại trăm bề không tiện, và lại dân trí còn dã man, nên họ Hồng Bàng chẳng qua chỉ có một tiếng thống trị mà thôi. Dân thổ trước, tính chất hiền lành, chẳng bao lâu vì ngọn lửa chiến tranh mà cuộc thế chuyển truyền nên dân tộc ấy phải bị tiêu diệt, một dân tộc khác thế vào gọi là người Chăm.”

(Nguyễn Bá Trác, *Quảng Ngãi tỉnh chí*, tr. 23)

Còn Arouseau đã giải thích về chữ Lâm Ấp, hé lộ một điều hết sức thú vị, củng cố thêm lý lẽ về vùng đất Trung Trung bộ:

“Arousseaux viết: Cựu Đường thư nói “Một người ở huyện Tượng Lâm tên là Khu Liên giết huyện lệnh và tự xưng là vua nước Lâm Ấp...”. Vì rằng tôi thấy gần như chắc chắn là lúc đầu, chữ Lâm Ấp chỉ để chỉ một thành phố và nói cho rõ hơn, là thành phố Tượng Lâm... Theo logic mà dự đoán rằng sau khi giết được huyện lệnh và chiếm được Tượng Lâm, khi đã thành một vương quốc độc lập, Khu Liên bèn đặt kinh đô ở ngay Tượng Lâm và ta cũng dự đoán rằng từ đó người Trung Quốc gọi họ bằng cái tên Lâm Ấp theo nghĩa là kinh đô Lâm”

(Georges Maspéro, *Vương quốc Chăm*, tr.40)

Chữ Hán cổ, “Ấp: một tên riêng gọi một khu đất. Ngày xưa tự xưng nước mình là tề ấp, đứng lên chiêu tập một số người cùng ở một nơi để khai khẩn ruộng nương cũng gọi là ấp”

(Thiền Chử, *Hán Việt tự điển*, tr. 685)

Người ta gọi vùng đất kinh đô của nhà Thương Ân là Lạc Ấp. Ở đây, Lâm Ấp là kinh đô nước Tượng Lâm, cũng để chỉ nước Tượng Lâm. Đó là lối gọi một nước của người Trung Hoa thời xưa, ngụ ý khinh rẻ.

Tấn Thư còn cho biết thêm:

*“Lâm Ấp là một nước có nền văn hóa bản địa **tiền Chăm**, dần chuyển mình thành nước Chăm.”*

Chuyển mình thành nước Chăm hay bị nước Chăm tiêu diệt? Chúng tôi cho rằng người Trung Hoa không quan tâm đến những chi tiết ấy vì họ cho là nơi ấy ở quá xa họ, không liên quan đến lịch sử nước họ nên họ giản đơn hóa vấn đề.

Georges Maspéro cũng nói như thế:

“Nhưng cũng cần phải nhớ rằng vào thời đó người Trung Hoa chỉ biết mơ về miền này mà thôi khi nói về những xứ sở ở phía nam Giao Chỉ.”

(Georges Maspéro, *Vương quốc Chăm*, tr.87)

Như thế thì sách sử cổ của Trung Quốc, sách sử nước ta và các tác giả người Pháp đã hé lộ một điều quan trọng: *Việt Thường Thị chính là tiền thân của vương quốc Lâm Ấp.*

Nên nhớ là người Chăm không bao giờ tự cho mình là Việt. Nếu Việt Thường Thị là tiền thân của Lâm Ấp thì nhất quyết Lâm Ấp không phải là Chăm mà nói như Tấn thư thì Lâm Ấp là một nước độc lập. sau thành nước Champa. Một nước không phải Chăm mà thành Chăm là vì bị xâm lược.

Mặt khác, thời kỳ đầu trong quá trình thoái trào của vương quốc Chăm cũng diễn ra trên vùng đất Trung Trung Bộ là chủ yếu.

Nguyễn Bá Trác còn nêu lên sự việc vua Quang Chiêu:

“Theo lời xưa truyền lại thì vua Quang Chiêu là một người học trò nghèo ở đời nhà Lê mà sau làm mãi đến chức Trấn Nam Đô tướng. Đền thờ vua Quang Chiêu ở Xuân Quang, mộ vua Quang Chiêu ở làng Phú Thọ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.”

(Nguyễn Bá Trác, *Quảng Ngãi tỉnh chí*, tr. 19)

Câu chuyện về vua Quang Chiêu, vốn là câu chuyện dân gian rất đáng lưu ý. Câu chuyện về vua Quang Chiêu được lưu truyền từ rất lâu đời, mà thời bé người ở miền Trung Trung Bộ, nhất là người Quảng Ngãi thường được ông bà kể cho nghe.

Câu chuyện về con trai của một cô thôn nữ bình thường sống bên bờ sông Trà Khúc. Cô thôn nữ hồn hậu chất phác ấy có được một đứa con trai ngoài giá thú, nhưng được cha mẹ xóm giềng cảm thông, thương mến. Rồi cô sinh được một đứa con trai khỏe mạnh, nhanh nhẹn, đặc biệt bơi lội rất giỏi và có chí lớn. Thế rồi nhờ ý chí và lòng kiên trì mà cậu trai ấy được nhân dân trong vùng tin tưởng, ủng hộ. Cậu lãnh đạo cuộc nổi dậy của nhân dân thành công, đánh đuổi kẻ xâm lăng ra khỏi bờ cõi, và lên làm vua gọi là vua Quang Chiêu.

Câu chuyện đã có từ rất xa xưa trải qua các thời kỳ lịch sử rất lâu dài, chắc chắn là trước khi nền Hán học ăn sâu bám rễ vào nước ta, mới có chuyện con gái có con ngoài giá thú mà gia đình và xã hội không quá khắt khe như xã hội Nho giáo thuần thành. Đó là thời kỳ mà nước ta chưa bị Bắc thuộc, hay trong vòng vài trăm năm đầu thời kỳ Bắc thuộc, là thời kỳ cái học nhà Nho chỉ mới bám rễ trong tầng lớp trí thức và quan lại bên trên mà chưa đi vào đời sống xã hội phổ biến. Đó là thời kỳ diễn ra cuộc nổi dậy của nhân dân do Khu Liên lãnh đạo giải phóng huyện Tượng Lâm.

Tất nhiên câu chuyện trải qua cả ngàn năm trong một xã hội đã Nho giáo hóa như nước ta, người đời sau vẽ rấn thêm chân, thành câu chuyện mang đậm màu sắc Nho học cho “có đầu có đuôi”, cho phù hợp với thực tế một xã hội đã Nho giáo hóa. Người ta đưa phong thủy vào, đặt tên chữ Nho cho cô thôn nữ mẹ vua Quang Chiêu, đặt thời đại nhà Lê của vua Quang Chiêu, đặt tên chức quan chữ Nho cho vua Quang Chiêu và rút cuộc vì bị yểm phong thủy nên vua Quang Chiêu phải chết.

Thời nhà Lê thì chẳng bao giờ có vua nào khác ngoài vua Lê. Chuyện vua Quang Chiêu có thể là thần thoại hóa lịch sử của vua Khu Liên nước Lâm Ấp. Vua Quang Chiêu chết có nghĩa là Khu Liên chết và nước Lâm Ấp bị đế quốc Champa thôn tính. Cho đến ngày nay, người

dân miền Trung Trung Bộ vẫn hương khói thờ phụng vua Quang Chiêu, như sự hoài niệm về một thời kỳ bi tráng của dân tộc.

Sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng 86 năm (năm 43-134), nhân vật Khu Liên đã làm nên cuộc nổi dậy thành công tại một huyện cực nam của nước ta là huyện Tượng Lâm, Khu Liên đã lập ra nước Lâm Ấp, nhưng rồi nước Lâm Ấp tồn tại không lâu thì bị đế quốc Chăm xâm chiếm. Kể từ đó, nước Lâm Ấp không còn lệ thuộc đế quốc Trung Hoa nên không được sử Trung Hoa ghi chép tỉ mỉ như hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân nữa. Nhưng tại sao sử ta không viết về Khu Liên?

Sử Trung Hoa viết rằng Khu Liên:

“Là con trai một viên Công tào huyện Tượng Lâm, đã lãnh đạo người man di ở bên kia biên giới huyện Tượng Lâm”

Nói thế là không xác đáng, vì không thể nào, con trai một viên Công tào trong huyện lại đi lãnh đạo người bên kia biên giới nổi dậy giết chủ huyện và chiếm luôn huyện lập thành một nước độc lập. Công tào là chức quan hành chính của một huyện, thường lấy người tại chỗ có học. Con trai viên Công tào người Việt làm việc cho chính quyền nhà Đông Hán mà lại khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược Đông Hán để lập ra một nước Chăm là chuyện hoang đường không bao giờ có.

Chắc chắn là chính nhân dân huyện Tượng Lâm kết hợp với người Thượng miền núi mà sử Tàu gọi là người man di bên kia biên giới.

“Chính họ đã gây ra vụ phiến loạn mà một người tên là Liên đã lợi dụng để lên làm vua... Ông ấy đã tập hợp các tiểu quốc và đặt dưới sự thống trị của mình... Vương quốc của ông ít ra cũng đến tỉnh Nha Trang hiện nay.”

(George Maspéro, *Vương quốc Chăm*, tr. 89)

Điều đó cũng hé lộ một vấn đề là Khu Liên đã liên kết các tộc người Thượng miền núi Trường Sơn làm cuộc nổi dậy thành công và sau đó đã tập hợp các tộc người Thượng ấy [Maspéro gọi là các tiểu quốc] để lập thành nước Lâm Ấp độc lập.

Một lần nữa cho thấy nước Lâm Ấp hình thành trên địa bàn huyện Tượng Lâm thời Tiền Đại Cồ Việt, tức vùng đất miền Trung Trung Bộ ngày nay. Đó là miền đất Việt Thường Thị xưa và nước Lâm Ấp tồn tại không lâu thì bị đế quốc Chăm thôn tính.

Nước Lâm Ấp và vua Khu Liên đã được đi vào sử sách nhưng chưa bao giờ sử ta xem là của ta mà coi như thuộc Chăm.

Sử Tàu nói không rõ ràng, vì đối với họ Chăm hay Việt cũng là man di cả, nhưng với ta thì lại là vấn đề rất quan trọng. Vì thế, trong sử ta đã có một số tác giả đã làm hé lộ ra như Đào Duy Anh, Nguyễn Bá Trác... nhưng chưa đủ thuyết phục, chưa tạo thành dư luận rộng rãi.

Khu Liên rất xứng đáng được người Việt ghi nhớ tôn vinh

5. Giao Châu và trụ đồng Mã Viện

Sau hơn một nghìn năm bị Bắc thuộc, thân phận nước ta như con bệnh trầm kha, làm sao tránh khỏi bị xâm xé.

Phía Bắc, người Trung Hoa ra sức đồng hóa, Chính Mã Viện lại báo lên vua Quang Vũ nhà Đông Hán:

“Mã Viện còn tâu rằng Việt luật có hơn mười việc khác với Hán luật và ông đã buộc người Việt từ bỏ chế độ xa xưa của họ. Từ đó Mã Viện bắt buộc người Lạc Việt phải thực thi theo Hán luật”.

(Hậu Hán thư, tập thượng, tr. 561 bản chữ Hán)

Từ phía Nam, đế quốc Chăm chiếm hơn một phần tư nước Việt. Phía Tây Bắc quân Nam Chiếu nhiều lần đánh xuống. Phía biển Đông người Đồ Bà nhiều lần xâm nhập, Tình thế đất nước như sợi chỉ mảnh treo chuông, tưởng có thể đã bị mất đứt đi rồi.

Nhà Hán chia nước Nam Việt thời nhà Triệu làm 9 quận, trong đó nước Âu Lạc của An Dương vương có 4 quận. Thời Ngô, Đinh khi vừa giành được độc lập, nước ta bị mất hai quận rưỡi, chỉ còn một quận rưỡi là Giao Chỉ và một nửa quận Cửu Chân, tức mất hơn một nửa nước của An Dương vương và nước của Hai Bà Trưng. Nước Đại Cồ Việt chỉ còn bao

gồm Đồng bằng sông Hồng, và một nửa miền Bắc Trung Bộ, Khi ấy, quận Hợp Phố¹ ở phía Đông Bắc thuộc nhà Nam Hán và quận Nhật Nam ở phía Nam thì bị nước Chăm chiếm mất. Quận Hợp Phố được Hai Bà Trưng đánh lấy lại, rồi lại bị mất theo triều đại của Hai Bà. Quận Hợp Phố bị mất vĩnh viễn từ đó. Hiện vẫn còn đền thờ Hai Bà Trưng ở địa bàn quận Hợp Phố ngày xưa.

Nước Đông Ngô thời Tam Quốc bố trí Giao Châu gồm bốn quận, tất nhiên khi phân chia quận, chính quyền cai trị phải căn cứ vào hai yếu tố là diện tích và dân số và phải làm sao cho không quá chênh lệch nhau giữa các quận. Sách Hán thư đã ghi tỉ mỉ như thế.

Nam sử viết rằng Mã Viện sau khi bình định dư đảng của Hai Bà Trưng thì thành lập huyện Tượng Lâm rồi cho trồng hai trụ đồng để định ranh giới đế quốc Hán. Mã Viện thành lập huyện Tượng Lâm cũng tương tự như Nguyễn Hữu Cảnh lập phủ Gia Định sau này. Ở đó, dân đủ đông, ruộng rẫy tề chỉnh, nơi ăn chốn ở đàng hoàng, quan lớn vi hành xem xét thấy đủ tiêu chuẩn thì cho tiến hành tổ chức thành đơn vị hành chính để quản lý.

Tổ chức đơn vị hành chính nơi miền biên giới thì đồng thời cũng tiến hành xác định ranh giới của quốc gia.

Sách Nam sử viết:

“Bên kia biên giới phía nam nước Lâm Ấp, theo đường bộ đường thủy hơn hai trăm dặm có vương quốc của người man di Tây Đò. Mã Viện trồng hai trụ đồng để định ranh giới của nhà Hán”.

Biên giới phía nam nước Lâm Ấp tức núi Đồng Trụ mà Lê Thánh Tông cho đổi tên thành núi Thạch Bi là nơi Mã Viện cho trồng hai trụ đồng ghi dòng chữ:

“Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt”

¹ Quận Hợp Phố nay thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, địa bàn ngày nay gồm ba thành phố Khâm Châu, Bắc Hải, Ngọc Lâm.

Sử Tàu vẫn gọi người Việt là người Giao Chỉ. Ở đây không hề có ý chỉ riêng quận Giao Chỉ - Đồng bằng sông Hồng mà ý chỉ toàn thể dân Việt.

Có thể hiểu ý nghĩa của dòng chữ trên: “*Người Việt phải cố mà giữ biên giới này cho nhà Hán. Nếu mà bọn man di Tây Đồ tràn qua thì người Giao Chỉ bị diệt*”. Hàm ý rằng, người Tàu chỉ đến làm quan thôi, có bề gì thì rút về Tàu.

“Những quan lại do Triều đình Trung Quốc phái sang các quận thuộc địa thường không được chọn lọc kỹ, việc tuyển lựa rất khó khăn vì khó có ai xin đi làm việc ngoài ở biên ải xa xôi. Vì thế, khi có người vì hoàn cảnh gì đó xin đi thì vô luận quá khứ tiền án tiền sự như thế nào đều được bổ nhiệm cả. Thật sự, những người xin đi, chẳng bao giờ chú ý đến số phận của nhân dân tại chỗ, mà tự tung tự tác làm những việc thậm tệ và khi đã giàu rồi thì mong rời đi càng sớm càng tốt.”

“Nhân dân tại chỗ bị quan Tàu đánh thuế rất nặng, như Thái thú Hàn Tập đánh thuế từ 50% trở lên các sản phẩm xuất khẩu hoặc nhập khẩu bằng đường biển.”

(Georges Maspéro, Vương quốc Chàm, tr.93)

Thực tế, thì bọn man di Tây Đồ đã tràn qua thật, đã chiếm mất quận Nhật Nam của người Việt, còn quan Tàu chạy hết về Tàu, chẳng hề hấn gì. Nhưng người Việt đã không bị diệt mà còn quật khởi đánh đuổi Tàu và Chàm ra khỏi đất nước.

o0o

PHỤ LỤC CHƯƠNG I

HÁN THƯ

QUYỂN 28 HẠ, ĐỊA LÝ CHÍ, ĐỆ BÁT HẠ

(trích)

交趾郡,

交趾郡，武帝元鼎六年開，屬交州。戶九萬二千四百四十，口七十四萬六千二百三十七。縣十：羸婁，有羞官。安定，苟漏，麋泠，都尉治。曲易，此帶，稽徐，西於，龍編，硃 B06E。

[Giao Chỉ quận: Vũ đế Nguyên Đĩnh lục niên khai, thuộc Giao Châu. Hộ 92.440, Khẩu 76.237. Huyện thập: Luy Lô (hữu Tu quan), An Định, Cầu Lậu, Mi lãnh (Đô úy trị), Khúc Dương, Thử Đới, Kê Từ, Tây U, Long Biên, Chu Diên]

Dịch nghĩa:

QUẬN GIAO CHỈ

Quận Giao Chỉ, năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Đĩnh thời Hán Vũ đế mới có tên này. Có 92.440 hộ, 76.237 khẩu. Gồm 10 huyện: Luy Lô (có ả Tu Quan), An Định, Cầu Lậu, Mi lãnh (theo chế độ Đô úy trị), Khúc Dương, Thử Đới, Kê Từ, Tây U, Long Biên, Chu Diên]

合浦郡

合浦郡，武帝元鼎六年開，莽曰桓合。屬交州。戶萬五千三百九十八，口七萬八千九百八十。縣五：徐聞，高涼，合浦。有關。莽曰桓亭。臨允，牢水北入高要入郁，過郡三，行五百三十里。莽曰大允。硃盧，都尉治。

[Hợp Phố quận: Vũ đế Nguyên Đĩnh lục niên khai, Mãng viết Hoàn Hợp, thuộc Giao Châu. Hộ 15.398. Khẩu 78.980. Huyện ngũ: Từ Văn (Cao Lương), Hợp Phố (hữu quan, Mãng viết Hoàn Đĩnh), Lâm Duẫn (lao thủy bắc nhập Cao Yếu nhập Úc quá quận tam, hành ngũ bách tam thập lý (Mãng viết Đại Duẫn), Chu Lô (Đô úy trị).]

Dịch nghĩa:

QUẬN HỢP PHỒ

Quận Hợp Phố, năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Đĩnh thời Hán Vũ đế mới có tên này. Thời Vương Mãng gọi là Hoàn Hợp thuộc Giao Châu. Có 15.398 hộ, 78.980 khẩu. Gồm 5 huyện: Từ Văn (Cao Lương), Hợp Phố (có ả, thời Vương Mãng gọi là Hoàn Đĩnh), Lâm Duẫn (theo đường thủy về

hướng bắc vào Cao Yếu qua khỏi quận ba dặm, đi tiếp 530 dặm, thời Vương Mãng gọi là Đại Dẫn), Chu Lô (theo chế độ Đô úy trị).

九真郡

九真郡，武帝元鼎六年開。有小水五十二，並行八千五百六十里。戶三萬五千七百四十三，口十六萬六千一十三。有界關。縣七：胥浦，莽曰 F52A 成。居風，都龐，餘發，鹹 F52A，無切，都尉治。無編。莽曰九真亭。

[Cửu Chân quận: Vũ đế Nguyên Đĩnh lục niên khai, hữu tiểu thủy ngũ thập nhị, tịnh hành 8.560 dặm. Hộ 3 5.743. Khẩu 166.113. Hữu giới quan. Huyện thất: Tư Phó (Mãng viết V thành), Cư Phong, Đô Bàng, Dư Phát, Hàm V, Vô Thiết (Đô úy trị), Vô Biên (Mãng viết Cửu Chân đình)].

Dịch nghĩa:

QUẬN CỬU CHÂN

Quận Cửu Chân, năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Đĩnh thời Hán Vũ đế mới có tên này. Có 52 dòng sông nhỏ, chu vi 8.560 dặm. Có 3 5.743 hộ, 166.113 khẩu, có ải Giới Quan, gồm 7 huyện: Tư Phó (thời Vương Mãng gọi là V thành), Cư Phong, Đô Bàng, Dư Phát, Hàm V, Vô Thiết (theo chế độ Đô úy trị), Vô Biên (thời Vương Mãng gọi là Cửu Chân đình).

日南郡

日南郡，故秦象郡，武帝元鼎六年開，更名。有小水十六，並行三千一百八十裡。屬交州。戶萬五千四百六十，口六萬九千四百八十五。縣五：硃吾，比景，盧容，西卷，水入海，有竹，可為杖。莽曰日南亭。像林。

[Nhật Nam quận, cố Tần Tượng Quận, Vũ đế Nguyên Đĩnh lục niên khai, tiện danh. Hữu tiểu thủy thập lục, tịnh hành 3.180 lý, thuộc Giao Châu. Hộ 15.460. Khẩu 69.485. Huyện ngũ: Chu Ngô, Tỉ Cảnh, Lô Dung, Tây Quyền (thủy nhập hải, hữu trúc khả vi trượng. Mãng viết Nhật Nam Đình), Tượng Lâm]

Dịch nghĩa:

QUẬN NHẬT NAM,

Quận Nhật Nam, thời Tần thuộc Tượng Quận đến năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Đĩnh thời Hán Vũ đế mới có tên Nhật Nam, có 16 dòng sông, chu

vi 3.180 dặm , thuộc Giao Châu. Có 15.460 hộ. 69.485 khẩu, gồm 5 huyện: Chu Ngô, Tỷ Cảnh, Lô Dung, Tây Quyên (các con sông đều chảy ra biển, có loại cây trúc có thể dùng làm gậy, thời Vương Mãng gọi là Nhật Nam đình), Tượng Lâm.

NAM SỬ

QUYỂN 78, LIỆT TRUYỆN THỨ 38, DI MẠCH THƯỢNG ĐƯỜNG LÝ DIÊN THỌ

(trích)

南史

卷七十八 列傳第六十八 夷貊上

唐 [李延壽](#)

林邑國

林邑國，本漢日南郡象林縣，古越裳界也。伏波將軍馬援開南境，置此縣。其地從廣可六百里。城去海百二十里，去日南南界四百餘里，北接九德郡。其南界，水步道二百餘里，有西圖夷亦稱王，馬援所植二銅柱，表漢家界處也。其國有金山，石皆赤色，其中生金。金夜則出飛，狀如螢火。

[Lâm Ấp quốc, bản Hán Nhật Nam quận, Tượng Lâm huyện, cổ Việt Thường giới dã. Phục Ba tướng quân Mã Viện khai nam cảnh, trí thủ huyện. Kỳ địa tùng quảng khả lục bách lý. Thành khứ hải bách nhị thập lý, khứ Nhật Nam nam giới tứ bách dư lý, bắc tiếp Cửu Đức (Cửu Chân) quận. Kỳ nam giới, thủy bộ đạo nhị bách dư lý, hữu Tây Đồ Di diệc xưng vương. Mã Viện sở thực nhị đồng trụ, biểu Hán gia giới xứ dã. Kỳ quốc hữu kim sơn, thạch giai xích sắc, kỳ trung sinh kim. Kim dạ tặc xuất phi, trạng như huỳnh hỏa]

Dịch nghĩa:

NƯỚC LÂM ẤP

Nước Lâm Ấp, vốn thời nhà Hán là huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam, trước nữa là biên giới Việt Thường. Phục Ba tướng quân Mã Viện bình ổn biên cảnh phía Nam, thành lập huyện này. Nước này đất đai rộng khoảng sáu trăm dặm. Đô thành nước Lâm Ấp nằm cách biển 120 dặm, cách biên giới phía nam quận Nhật Nam hơn 400 dặm. Phía bắc Nhật Nam là quận Cửu Đức (tức quận Cửu Chân). Bên kia biên giới phía nam nước Lâm Ấp, theo đường bộ đường thủy hơn hai trăm dặm có vương quốc của người man di Tây Đô. Mã Viện trồng hai trụ đồng để định ranh giới của nhà Hán. Nước Lâm Ấp có núi vàng, có đá màu đỏ chứa vàng bên trong. Về đêm thì vàng bay ra, giống như đom đóm.

o0o

Tài liệu tham khảo:

1. Bernard Bourotte, *Người Thượng Nam Đông Dương*, bản tiếng Pháp
2. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*
3. *Đại Việt sử ký toàn thư*,
4. Georges Maspéro, *Vương quốc Chăm*
5. *Hán thư*, bản chữ Hán
6. *Hậu Hán thư*, bản chữ Hán
7. Lê Quang Định, *Địa dư chí*
8. Lịch Đạo Nguyên. *Thủy Kinh Chú* ,
9. *Nam sử*, bản chữ Hán
10. Nguyễn Bá Trác, *Quảng Ngãi tỉnh chí*
11. *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, bản chữ Hán cổ
12. R. Ron McGee, Richard L. Warms, *Anthropological Theory*
13. *Tấn thư*, bản chữ Hán.
14. Thiệu Chửu, *Hán Việt tự điển*
15. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*